

Bài 59 Các vùng kinh tế trọng điểm

1. Đặc điểm

Vùng kinh tế trọng điểm là vùng hội tụ đầy đủ nhất các điều kiện phát triển và có ý nghĩa quyết định đối với nền kinh tế của cả nước.

Lãnh thổ được coi là vùng kinh tế trọng điểm phải có một số đặc điểm chủ yếu sau đây :

- Bao gồm phạm vi của nhiều tỉnh, thành phố và ranh giới có thể thay đổi theo thời gian tùy thuộc vào chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của đất nước.
- Hội tụ đầy đủ các thế mạnh, tập trung tiềm lực kinh tế và hấp dẫn các nhà đầu tư.
- Có tỉ trọng lớn trong tổng GDP của quốc gia, tạo ra tốc độ phát triển nhanh cho cả nước và có thể hỗ trợ cho các vùng khác.
- Có khả năng thu hút các ngành mới về công nghiệp và dịch vụ để từ đó nhân rộng ra toàn quốc.

2. Quá trình hình thành và thực trạng phát triển

a) Quá trình hình thành

Bảng 59.1. Thời gian hình thành và phạm vi lãnh thổ các vùng kinh tế trọng điểm của nước ta⁽²⁾

| Vùng kinh tế trọng điểm | Đầu thập kỉ 90 của thế kỉ XX | Sau năm 2000 |
|-------------------------|--|--|
| Phía Bắc | Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh | Thêm 3 tỉnh : Hà Tây, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh |
| Miền Trung | Thừa Thiên – Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi | Thêm tỉnh Bình Định |
| Phía Nam | Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương | Thêm 4 tỉnh : Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang. |

⁽²⁾ Từ năm 2009, vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long được thành lập theo quyết định 492-QĐ-TTg 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm TP.Cần Thơ và các tỉnh Kiên Giang, An Giang và Cà Mau.

b) Thực trạng phát triển kinh tế

Bảng 59.2. Một số chỉ số kinh tế của ba vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta, năm 2005

| Chỉ số | Ba vùng | Trong đó | | |
|--|---------|----------|------------|----------|
| | | Phía Bắc | Miền Trung | Phía Nam |
| Tốc độ tăng trưởng GDP trung bình năm giai đoạn 2001– 2005 (%) | 11,7 | 11,2 | 10,7 | 11,9 |
| % GDP so với cả nước | 66,9 | 18,9 | 5,3 | 42,7 |
| Cơ cấu GDP (%) phân theo ngành | 100,0 | 100,0 | 100,0 | 100,0 |
| Nông – lâm – ngư nghiệp | 10,5 | 12,6 | 25,0 | 7,8 |
| Công nghiệp – xây dựng | 52,5 | 42,2 | 36,6 | 59,0 |
| Dịch vụ | 37,0 | 45,2 | 38,4 | 33,2 |
| % kim ngạch xuất khẩu so với cả nước | 64,5 | 27,0 | 2,2 | 35,3 |

Căn cứ vào số liệu của bảng thống kê, hãy phân tích thực trạng phát triển kinh tế của các vùng kinh tế trọng điểm.

3. Ba vùng kinh tế trọng điểm

a) Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc

Vùng này có diện tích gần 15,3 nghìn km² (4,7% diện tích tự nhiên cả nước) với số dân hơn 13,7 triệu người, năm 2006 (16,3% số dân cả nước), gồm 8 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chủ yếu thuộc Đồng bằng sông Hồng.

Trong vùng hội tụ tương đối đầy đủ các thế mạnh để phát triển kinh tế – xã hội.

Hãy phân tích các thế mạnh đối với việc phát triển kinh tế – xã hội của Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc.

Vị trí địa lí của vùng thuận lợi cho việc giao lưu trong nước và quốc tế. Hà Nội là thủ đô, đồng thời cũng là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá

thuộc loại lớn nhất của cả nước. Hai quốc lộ 5 và 18 là hai tuyến giao thông huyết mạch gắn kết cả Bắc Bộ nói chung với cụm cảng Hải Phòng – Cái Lân.

Một trong những tiềm năng nổi bật của vùng là nguồn lao động với số lượng lớn, chất lượng vào loại hàng đầu của cả nước. Ngoài ra, đây còn là vùng có lịch sử khai thác lâu đời nhất nước ta với nền văn minh lúa nước. Các ngành công nghiệp phát triển rất sớm và nhiều ngành có ý nghĩa toàn quốc nhờ các lợi thế về gần nguồn nguyên, nhiên liệu, khoáng sản, về nguồn lao động và thị trường tiêu thụ. Các ngành dịch vụ, du lịch có nhiều điều kiện để phát triển dựa trên cơ sở các thế mạnh vốn có của vùng.

Để Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc có vị thế xứng đáng hơn trong nền kinh tế của cả nước, cần phải tập trung giải quyết một số vấn đề chủ yếu liên quan đến các ngành kinh tế: Về công nghiệp, đẩy mạnh các ngành công nghiệp trọng điểm, nhanh chóng phát triển các ngành có hàm lượng kĩ thuật cao, không gây ô nhiễm môi trường, tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường đồng thời với việc phát triển các khu công nghiệp tập trung. Về dịch vụ, chú trọng đến thương mại và các hoạt động dịch vụ khác, nhất là du lịch. Về nông nghiệp, cần chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng sản xuất hàng hoá có chất lượng cao.

b) Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

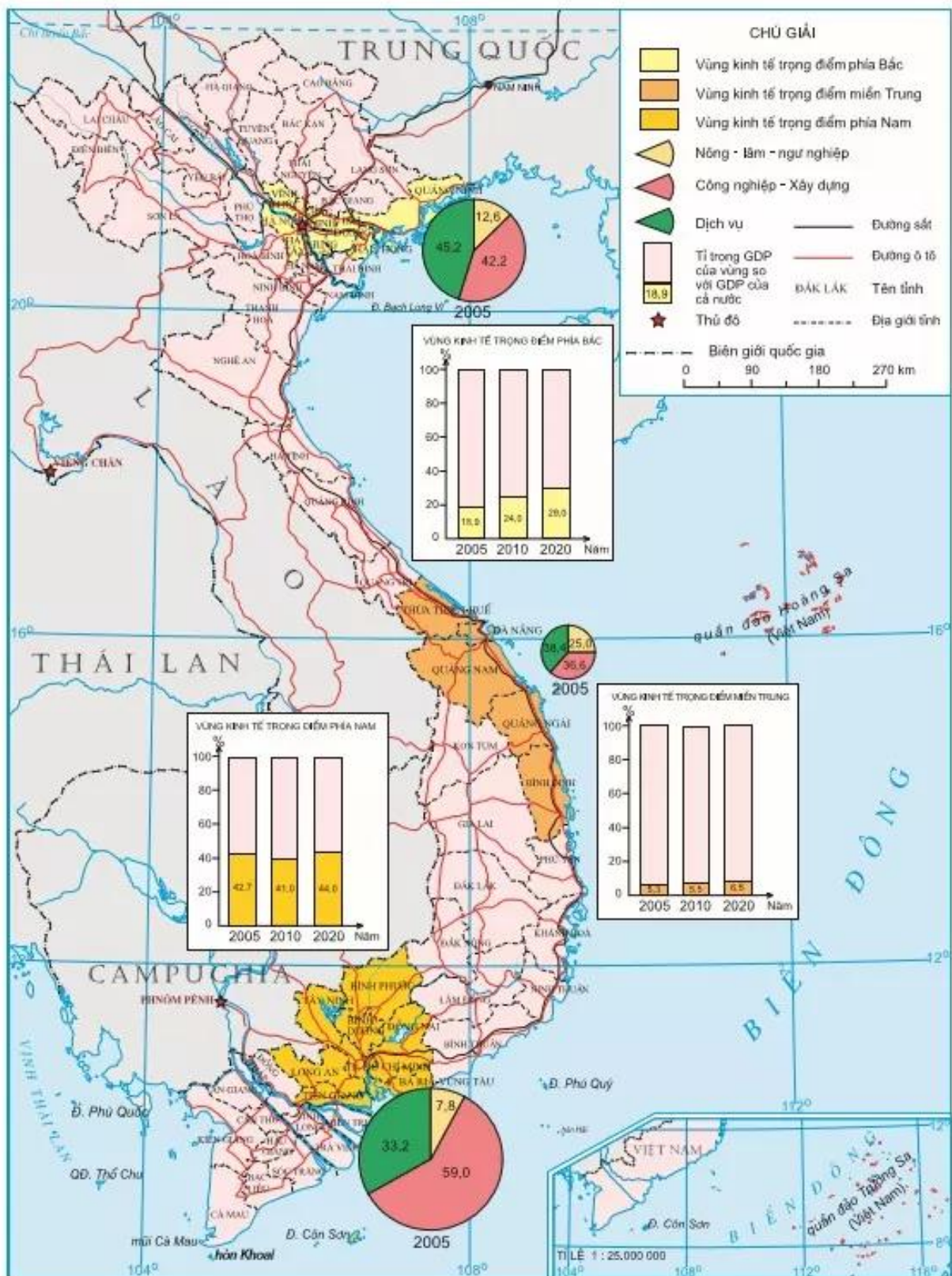
Vùng này trải dài trên diện tích gần 28 nghìn km² (8,5% diện tích tự nhiên cả nước) với số dân 6,3 triệu người, năm 2006 (7,4% số dân cả nước), gồm 5 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương từ Thừa Thiên – Huế đến Bình Định.

Trong vùng có nhiều thế mạnh để phát triển kinh tế, mặc dù việc khai thác hiện nay chưa tương xứng với tiềm năng.

Phân tích các thế mạnh để phát triển kinh tế – xã hội của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Nằm ở vị trí chuyển tiếp giữa các vùng phía bắc và phía nam qua quốc lộ 1 và tuyến đường sắt Thống Nhất, có các sân bay Đà Nẵng, Phú Bài, Chu Lai và là cửa ngõ quan trọng thông ra biển của các tỉnh Tây Nguyên và Nam Lào, Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung có nhiều thuận lợi đối với việc phát triển kinh tế và giao lưu hàng hoá.

Thế mạnh hàng đầu của vùng là khai thác tổng hợp tài nguyên biển, khoáng sản, rừng để phát triển dịch vụ du lịch, nuôi trồng thủy sản, công nghiệp chế biến nông – lâm – thủy sản và một số ngành khác nhằm chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.



Hình 59. Các vùng kinh tế trọng điểm

Trên lãnh thổ của vùng hiện nay đang triển khai những dự án lớn có tầm cỡ quốc gia. Trong tương lai sẽ hình thành các ngành công nghiệp trọng điểm có lợi thế về tài nguyên và thị trường ; phát triển các vùng chuyên sản xuất hàng hoá nông nghiệp, thủy sản và các ngành thương mại, dịch vụ du lịch.

c) Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

Vùng này có diện tích gần 30,6 nghìn km² (hơn 9,2% diện tích tự nhiên cả nước) với số dân 15,2 triệu người, năm 2006 (18,1% số dân toàn quốc), bao gồm 8 tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, chủ yếu thuộc Đông Nam Bộ.

Đây là khu vực bán lẻ giữa Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ với Đồng bằng sông Cửu Long, tập trung đầy đủ các thế mạnh về tự nhiên, kinh tế – xã hội.

Hãy trình bày các thế mạnh đối với việc phát triển kinh tế – xã hội của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Tài nguyên thiên nhiên nổi trội hàng đầu của vùng là các mỏ dầu khí ở thềm lục địa. Dân cư đông, nguồn lao động dồi dào, có chất lượng cũng như cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật tương đối tốt và đồng bộ. Hơn nữa, vùng này tập trung tiềm lực kinh tế mạnh nhất và có trình độ phát triển kinh tế cao nhất so với các vùng khác trong cả nước. Về cơ bản, các thế mạnh đó đã và đang được khai thác mạnh mẽ và được minh chứng thông qua một số chỉ tiêu kinh tế cụ thể của vùng.

Trong những năm tới, công nghiệp vẫn sẽ là động lực của vùng với các ngành công nghiệp cơ bản, công nghiệp trọng điểm, công nghệ cao và hình thành hàng loạt khu công nghiệp tập trung để thu hút đầu tư ở trong và ngoài nước. Cùng với công nghiệp, tiếp tục đẩy mạnh các ngành thương mại, tín dụng, ngân hàng, du lịch, cho tương xứng với vị thế của vùng...

Câu hỏi và bài tập

1. Hãy nêu đặc điểm của vùng kinh tế trọng điểm. Tại sao nước ta phải hình thành các vùng kinh tế trọng điểm ?
2. Trình bày quá trình hình thành và phạm vi lãnh thổ của các vùng kinh tế trọng điểm.
3. Hãy so sánh các thế mạnh và thực trạng phát triển kinh tế của ba vùng kinh tế trọng điểm.